

Số: 06/2018/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, phân cấp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 18/TTr-SXD ngày 21/3/2018 của Sở Xây dựng, Báo cáo thẩm định số 28/BC-STP ngày 16/3/2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, phân cấp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Website tỉnh, công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự

QUY ĐỊNH

**Quản lý, phân cấp sử dụng chung công trình
hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Nam Định**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, phân cấp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nam Định.
2. Các nội dung khác liên quan đến sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật không quy định trong Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.
2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch, cơ sở dữ liệu được lưu giữ theo quy định, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo tính đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.
2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

4. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

5. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết về thông tin cơ bản được thể hiện thống nhất bằng các ký hiệu, màu sắc theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn và dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các tổ chức và cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2. Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của liên Bộ: Xây dựng, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 6. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao cho địa phương theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đến khi bàn giao theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 7. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý, vận hành thông qua hợp đồng quản lý, vận hành được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương II
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHUNG
CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 8. Trách nhiệm các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

d) Tổng hợp và đề xuất trình UBND tỉnh công bố danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp,... thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp tham gia sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông đảm bảo công tác an toàn, mỹ quan ...theo quy định.

4. Sở Giao thông vận tải

Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước áp dụng thống nhất trên địa bàn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính sử dụng chung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật mới, đảm bảo việc sử dụng chung công trình và kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Thực hiện thỏa thuận đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp do mình quản lý, với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

b) Tổng hợp, định kỳ báo cáo Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc các khu công nghiệp.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý sử dụng chung công trình kỹ thuật thuộc các khu công nghiệp.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Nam Định theo thẩm quyền quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý để xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo Sở Xây dựng; đồng thời rà soát, bổ sung cập nhật dữ liệu theo quy định.

Có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

2. Quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn, cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ngành liên quan khảo sát và đề xuất danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu

1. Tổ chức, lựa chọn đơn vị quản lý vận hành và ký hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành.

2. Trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đơn vị quản lý vận hành ký hợp đồng sử dụng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với đơn vị quản lý vận hành, với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết.

4. Lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Yêu cầu đơn vị quản lý vận hành xây dựng, quản lý công trình dữ liệu và cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

6. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Thực hiện chế độ báo cáo gửi Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành

1. Phải có đội ngũ cán bộ và công nhân đủ năng lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý vận hành.

2. Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo thẩm quyền hoặc được ủy quyền của chủ sở hữu.

3. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết.

4. Tuân thủ quy định về quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật. Xây dựng, ban hành cụ thể quy trình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được giao quản lý.

5. Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Xử lý sự cố, đồng thời có trách nhiệm thông báo kịp thời cho các bên liên quan để cùng phối hợp xử lý, khắc phục.

6. Thực hiện và thông báo cho các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Xây dựng, khai thác, quản lý thông tin và báo cáo định kỳ cơ sở dữ liệu, tình hình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu hoặc với đơn vị quản lý vận hành theo hợp đồng sử dụng đã ký kết.

2. Thực hiện quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp thông tin về đường ống, đường dây, cáp, thiết bị sử dụng chung và được cung cấp thông tin có liên quan về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

4. Thông báo kịp thời cho đơn vị quản lý vận hành khi phát hiện các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố, có trách nhiệm phối hợp kịp thời với đơn vị quản lý vận hành, các đơn vị có liên quan tham gia xử lý và xử lý sự cố xảy ra.

5. Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành tổ chức thực hiện việc tháo dỡ, di chuyển ra khỏi công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung các đường ống, đường dây, cáp và thiết bị cần nâng cấp hoặc bị hư hỏng phải thay thế.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự